MỞ ĐẦU

Như chúng ta đã biết, quyền lực của Nhà Nước nói chung bao gồm quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Ở nước ta lập pháp thuộc thẩm quyền của quốc hội và “*Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp*”. Trong bộ máy nhà nước Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà Nước cao nhất. Tuy vậy để thực hiện có hiệu quá chức năng của Nhà nước thì trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước vẫn cần phải có sự phân công và phối hợp hợp lý, rõ ràng ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Các quy định của luật hành chính về tổ chức thẩm quyền và chế độ làm việc của bộ máy hành chính Nhà nước, về các nguyên tắc quản lý Nhà nước, về quy chế cán bộ, công chức và công vụ… là cơ sở cho hoạt động hành pháp của Nhà nước. Bản thân cách đặt vấn để như thế đã nói lên vai trò to lớn của luật hành chính. Hiến pháp là “luật mẹ”, từ đấy là cơ sở để xây dựng hàng loạt hệ thống luật pháp và từ đấy hình thành một Nhà nước hợp hiến thông qua tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội, cơ quan lập pháp duy nhất. Hiến pháp 1946 do đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo thể hiện ý tưởng, quyết tâm của Người là xây dựng một “chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của Nhân dân” (Lời nói đầu Hiến pháp 1946). ... Đó là nền tảng trước mắt

NỘI DUNG

****I. Vị trí, vai trò của Quốc hội theo pháp luật hiện hành****

Trong bộ máy nhà nước ta, Quốc hội chiếm vị trí đặc biệt quan trọng. Theo Hiến pháp năm 2013, ở nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân (Điều 2).

Nhân dân có thể thực hiện quyền lực của mình bằng các biện pháp dân chủ trực tiếp, bán trực tiếp và gián tiếp. Bằng biện pháp dân chủ gián tiếp, nhân dân bầu ra các cơ quan đại diện (Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp) để thực hiện quyền lực của mình. Vì vậy, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp thường được gọi là cơ quan quyền lực nhà nước.

Trong bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Nguyên tắc này được quy định lần đầu tiên trong Hiến pháp năm 1946. Điều 22 [Hiến pháp năm 1946](https://luatminhkhue.vn/hien-phap-nam-1946.aspx) quy định:

“Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa".

Tiếp đó nguyên tắc này được củng cố và quy định rõ ràng hơn trong [Hiến pháp năm 1959](https://luatminhkhue.vn/hien-phap-nam-1959.aspx):

“Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân" (Điều 4).

Đến [Hiến pháp năm 1980](https://luatminhkhue.vn/hien-phap-nam-1980.aspx), [Hiến pháp năm 1992](https://luatminhkhue.vn/luat-hien-phap-nam-1992.aspx) và đặc biệt là Hiến pháp năm 2013 thì vai trò của Quốc hội được tăng cường và phát triển hơn nữa trong việc quy định cơ cấu tổ chức Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, nhất là trong việc quy định vị trí, tính chất, chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quyền lực nhà nước. Hiến pháp năm 2013 đã nêu rõ vị trí và tính chất của Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân và là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (Điều 69). Quốc hội có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước như thông qua Hiến pháp, các đạo luật, quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm những chức vụ cao nhất của bộ máy nhà nước; giám sát tối cao hoạt động của bộ máy nhà nước; Quốc hội biểu hiện tập trung ý chí và quyền lực của nhân dân trong phạm vi toàn quốc.

1.1 Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân

Đầu tiên khi xét đến vị trí, tính chất của Quốc hội ta có thể thấy ngay một đặc điểm nổi bật đó là Quốc hội là cơ quan “đại biểu cao nhất của nhân dân”. Quốc hội còn có tên là “cơ quan đại diện nhân dân” hay “ cơ quan dân cử”. Sở dĩ Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân là do những nguyên nhân sau:

Xét về mặt cách thức tổ chức, thành lập: ta có thể thấy Quốc hội là cơ quan được thành lập nên thông qua con đường bầu cử. Cử tri bỏ phiếu bầu ra các đại biểu Quốc hội đại diện cho mình nhằm thể hiện ý chí, nguyện vọng của các cử tri thông qua bốn nguyên tắc chủ yếu là phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Quốc hội được cấu thành nên từ những đại biểu Quốc hội là những công nhân, nông dân, trí thức và những người lao động ưu tú đến từ mọi miền đất nước và thuộc nhiều dân tộc khác nhau, các đại biểu quốc hội mang tính chất đại diện cho đơn vị hành chính ,lãnh thổ. Đại biểu Quốc hội được nhân dân địa phương mình bầu ra và chịu trách nhiệm trước quần chúng nhân dân, họ có mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng, nắm vững tâm tư, nguyện vọng của quần chúng; do đó, quyết định mọi vấn đề được sát và hợp với quần chúng đồng thời có điều kiện thuận lợi để vận động quần chúng thi hành tốt các quy định của Nhà nước. Điều này đã khiến Quốc hội là một biểu hiện rõ nét của khối đại đoàn kết dân tộc, mang tính đại diện cao.

Về mặt hoạt động của Quốc hội, do là cơ quan được nhân dân bầu ra và được nhân dân trao quyền lực vậy nên mọi chính sách của Quốc hội đều phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân và phục vụ nhân dân. Không chỉ vậy, Quốc hội còn phải chịu trách nhiệm và chịu sự giám sát của nhân dân cả nước. Ta có thể thấy rõ biểu hiện này trong thực tế như các phiên họp Quốc hội đều được truyền hình trực tiếp công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để cho toàn dân được biết về hoạt động của Quốc hội trong cả kỳ họp. Hoặc các đại biểu quốc hội phải định kỳ báo cáo về hoạt đông của mình trước các cử tri trong các buổi gặp mặt.Không những vậy, đối với các đại biểu Quốc hội làm việc thiếu trách nhiệm, không hiệu quả, không còn đại diện cho ý chí, nguyện vọng của mình đều có thể bị bãi nhiệm bởi chính nhân dân ( điều 97 của Hiến Pháp 1992 và điều 56 của Luật tổ chức Quốc hội ). Nhiệm kỳ của Quốc hội chỉ kéo dài 5 năm đảm bảo cho việc nhân dân có thể tuyển cử những đại biểu mới có đủ tâm huyết, và trách nhiệm vào cơ quan quyền lực cao nhất của cả nước.

Từ hai biểu hiện ở trên đã làm rõ tính đại biểu cao nhất của Quốc hội. Quốc hội chính là hình thức tổ chức dân chủ, thực sự đại diện cho mọi quần chúng nhân dân trong cả nước. Ở nước ta, chỉ có Quốc hội mới có đủ thẩm quyền quyết định những vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia, các vấn đề trọng đại của đất nước.

1.2 Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất

Ngoài việc là cơ quan đại biểu cao nhất, điều 83 Hiến pháp năm 1992 còn ghi nhận Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sở dĩ Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất là do theo nguyên tắc dân chủ thì mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Nước ta thực hiện cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Nhân dân sử dụng quyền lực bằng việc bầu ra Quốc hội đại diện cho mình và ủy quyền cho Quốc hội quyền lực nhằm quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Chính vì vậy Quốc hội không phải chịu sự giám sát của bất kỳ cơ quan Nhà nước nào khác ngoài sự giám sát của nhân dân.

Biểu hiện cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của Quốc hội thể hiện ở những mặt sau:

Quốc hội là cơ quan nhận được quyền lực của nhân dân, sử dụng quyền lực đó để thực hiện công việc của mình. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến, lập pháp. Các cơ quan nhà nước do Quốc hội bầu ra, tổ chức và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ do Hiến pháp quy định, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Quốc hội giám sát toàn bộ hoạt động của bộ máy Nhà nước. Hiến pháp do Quốc hội ban ra chính là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất. Từ đó quốc hội mới ban hành pháp luật nhằm điều chỉnh những quan hệ trong xã hội. Chỉ có Quốc hội mới có quyền biến ý chí của nhân dân thành ý chí của Nhà nước, thành luật, thành các quy định chung mang tính chất bắt buộc, tính cưỡng chế Nhà nước đối với mọi tầng lớp dân cư trong xã hội.  Không chỉ ban hành hiến pháp, pháp luật, Quốc hội còn thảo luận và ra quyết định tất cả những vấn đề quan trọng của cả đất nước trên tất cả các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng…

Ngoài việc ban hành hiến pháp, pháp luật và quyết định các chính sách, vấn đề quan trọng của đất nước, tính quyền lực cao nhất của Quốc hội còn thể hiện ở việc Quốc hội có quyền giám sát tối cao đối với mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước. Việc thực hiện trách nhiệm giám sát tối cao nhằm đảm bảo các cơ quan nhà nước này thực hiện đúng và hiệu quả quyền hạn, trách nhiệm được giao. Các cơ quan nhà nước như Chính phủ phải có trách nhiệm báo cáo trước Quốc hội hoạt động của mình tại kỳ họp Quốc hội. Tại đây các Bộ trưởng, Thủ tướng phải có trách nhiệm trình bày về các hoạt động của mình trong thời gian qua, đồng thời còn phải trả lời các câu hỏi chất vấn của các đại biểu Quốc hội liên quan đến lĩnh vực mà mình quản lý. Đối với những vị trí, chức vụ cao cấp của bộ máy nhà nước như Chủ tịch nước, Thủ tướng, Chủ tịch quốc hội… hoàn toàn đều có thể bị Quốc hội bãi nhiệm nếu làm việc không hiệu quả. Các văn bản vi phạm hiến pháp, luật của Chủ Tịch Nước, Chính Phủ, Tòa Án Nhân Dân Tối Cao, Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao cũng đều có thể bị bãi bỏ bởi Quốc hội. Điều này thể hiện rõ nguyên tắc tập quyền, nhân dân làm chủ của một đất nước phấn đấu đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội như Việt Nam.

# II. Chức năng của Quốc hội trong bộ máy nhà nước Việt Nam

# 2.1 Chức năng lập pháp

# Hiến pháp năm 2013 đã có sự phân biệt rõ ràng giữa quyền lập hiến, quyền lập pháp và thay quy định “Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp” bằng quy định “Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp” (lập hiến và lập pháp theo Hiến pháp năm 1992 là một quyền). Hiến định nội dung này, Hiến pháp năm 2013 đòi hỏi Quốc hội phải tập trung hơn nữa vào chức năng làm luật để khắc phục tình trạng vừa thiếu pháp luật, vừa mẫu thuẫn, chồng chéo trong hệ thống pháp luật, thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo đảm mọi hoạt động của các cơ quan Nhà nước, trong đó có Quốc hội đều phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, không thể tự định cho mình những nhiệm vụ, quyền hạn khác ngoài những nhiệm vụ và quyền hạn đã được Hiến pháp, pháp luật quy định

# 2.2 Chức năng giám sát

Đây là hoạt động mang tính chất chính trị, thể hiện ý chí của cử tri và là một trong những tiêu chí để đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. So với Hiến pháp năm 1992 thì quy định này có những điểm mới đáng chú ý sau:

(1) Phạm vi thẩm quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước của Quốc hội là có giới hạn, không mở rộng đến “toàn bộ” hoạt động của Nhà nước (bao gồm các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp ở Trung ương và các cơ quan nhà nước ở địa phương mà chỉ tập trung vào các cơ quan ở trung ương như Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao).

(2) Bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc thực hiện quyền giám sát tối cao đối với các thiết chế độc lập như Kiểm toán nhà nước, Hội đồng bầu cử quốc gia và các cơ quan nhà nước khác do Quốc hội thành lập.

(3) Quy định khái quát để các luật có điều kiện cụ thể hóa những hoạt động nào của Nhà nước thuộc thẩm quyền giám sát tối cao của Quốc hội.

**2.3 Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng**

So với quy định của Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 đã quy định theo hướng khái quát hơn, bảo đảm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở để cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong Hiến pháp và trong các đạo luật chuyên ngành.

Theo đó, Quốc hội chỉ quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước như: quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế – xã hội của đất nước (khoản 3 Điều 70); quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước (khoản 4 Điều 70); quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của nhà nước (khoản 5 Điều 70); quyết định đại xá (khoản 11 Điều 70); quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình và quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia (khoản 13 Điều 70); quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và các điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội (khoản 14 Điều 70); quyết định trưng cầu ý dân (khoản 15 Điều 70).

**2.4 Nhiệm vụ và quyền hạn của quốc hội**

Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật;

2. Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;

3. Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế – xã hội của đất nước;

4. Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước;

5. Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước;

6. Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;

7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia.

Sau khi được bầu, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phải tuyên thệ trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp;

8. Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn;

9. Quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật;

10. Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội;

11. Quyết định đại xá;

12. Quy định hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước;

13. Quyết định vấn đề chiến tranh và hoà bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia;

14. Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội;

15. Quyết định trưng cầu ý dân.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Giáo trình “ *Pháp Luật Đại Cương* ” – Chủ biên : TS. Nguyễn Hợp Toàn.
2. Website : <https://dangcongsan.vn/>

<https://luatduonggia.vn/>

<https://thegioiluat.vn/>